

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý.

Bà Thân Thị Lua.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị M, sinh năm 1987; địa chỉ : Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Năng H, sinh năm 1978; địa chỉ : Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Tạ Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Năng H kết hôn ngày 22/4/2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã thị trấn Tân Dân (nay là thị trấn T), huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn anh H về ở rể và sinh sống cùng chị tại gia đình chị. Vợ chồng chỉ hạnh phúc

được thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H hay rượu chè, không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm chăm sóc gia đình. Vì vậy mà giữa anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Đến tháng 9/2020 mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm anh H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ anh H sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh H chứ không sinh sống cùng chị và các con ở dưới nhà bố mẹ đẻ chị nữa. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Năng H.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 06/5/2016; Nguyễn Gia L, sinh ngày 27/5/2020; Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/5/2020; hiện nay các con đang ở cùng chị. Nay, ly hôn chị đề nghị Tòa án giao 03 con chung là Nguyễn Phương T, Nguyễn Gia L và Nguyễn Gia B cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang kinh doanh vận tải tại công ty TNHH một thành viên Ngọc Hoàng do chị là chủ doanh nghiệp và bán hàng hoa quả tại nhà. Tổng thu nhập của chị trung bình là 20.000.000 đồng/ tháng. Bản thân anh H làm nghề lái xe thu nhập không ổn định, hơn nữa anh H ham chơi, hay rượu chè, không quan tâm chăm sóc đến các con.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị và anh H tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc, đồng thời chị đã có lời khai đầy đủ và tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nên chị đề nghị được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh H.

Bị đơn anh Nguyễn Năng H trình bày: Anh và chị kết hôn ngày 22/4/2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã thị trấn Tân Dân (nay là thị trấn T), huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn anh về ở rể nhà chị M và chung sống cùng gia đình chị M ở Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Yên Dũng. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ở rể có những cái khó trong việc cư xử trong cuộc sống. Từ tháng 9/2020 anh không còn chung sống cùng chị M ở gia đình chị M nữa mà anh đi làm ăn xa liên tỉnh, được nghỉ thì anh về nhà bố mẹ đẻ anh

tại Thôn L, xã M, huyện N nghỉ ngơi, thì thoảng anh lại về nhà chị M thăm các con. Hiện nay hộ khẩu của anh vẫn ở Thị trấn T, huyện Y. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không còn, chị M xin được ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 06/5/2016; Nguyễn Gia L, sinh ngày 27/5/2020 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/5/2020; Hiện các con đang ở cùng chị M. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Phương T cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao 02 con chung là Nguyễn Gia L và Nguyễn Gia B cho chị Mai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh làm nghề tự do, thu nhập khoảng 6000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh bận công việc, không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị M và anh được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các buổi làm việc như trên của Tòa án.

Quá trình làm việc tại Tòa án sau này các bên thống nhất được về việc nuôi con chung, chị M đồng ý để Tòa án giao con chung là Nguyễn Phương T cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao 02 con chung là Nguyễn Gia L và Nguyễn Gia B cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị M và anh H đều xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị M; biên bản lấy lời khai của chị M, anh H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 53,56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28,35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS Xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Năng H

-Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phương T cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao 02 con chung là Nguyễn Gia L và Nguyễn Gia B cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này

- Về án phí: Chị Tạ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp đủ.

-Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Tạ Thị M; bị đơn là Nguyễn Năng H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị M, anh H.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tạ Thị M là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Năng H, anh H có hộ khẩu thường trú tại thôn Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị M và anh Nguyễn Năng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân Dân (nay là thị trấn T) huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào ngày 22/4/2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M anh H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị M anh H: Chị M anh H đều xác định ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Chị M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H hay rượu chè, không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm chăm sóc gia đình vợ con, hai người thường xuyên xảy ra

cãi vã, xô xát. Anh H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ở rể nhà chị M có những cái khó trong việc cư xử trong cuộc sống. Cả hai bên đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Chị M xin ly hôn anh H, anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị M.

Qua xác minh tại địa phương thì thấy: Chị M và anh H kết hôn ngày 22/4/2010. Sau khi kết hôn địa phương có thấy chị M và anh H chung sống cùng nhau tại Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Quá trình anh chị chung sống địa phương có nghe dư luận là vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ở rể nhà chị M ở đây và cũng hay rượu chè. Từ tháng 9/2020 đến nay địa phương không thấy anh H chung sống cùng chị M nữa, anh H làm lái xe liên tỉnh nên thường xuyên đi vắng và hiện nay thi thoảng có về thị trấn T thăm các con. Nay, chị M xin ly hôn anh H, địa phương đề nghị Tòa án hòa giải, nếu không hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa chị M và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị M và anh H được ly hôn.

[3.2] Về con chung: Chị M, anh H có 3 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 06/5/2016; Nguyễn Gia L, sinh ngày 27/5/2020 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/5/2020; Hiện các con đang ở cùng chị M. Ly hôn, chị M, anh H đều nhất trí để Tòa án giao con chung là Nguyễn Phương T cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao 02 con chung là Nguyễn Gia L và Nguyễn Gia B cho chị Mai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phương T, giao cho chị M nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia L và Nguyễn Gia B.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị M và anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi vợ chồng ly hôn, chị M, anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3.3] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị M anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Tạ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Năng H.

2. Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia L, sinh ngày 27/5/2020 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/5/2020; giao cho anh Nguyễn Năng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 06/5/2016.

Chị M, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị M, anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Tạ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0000110 ngày 24/03/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND TT T, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Thị Anh

